

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TỈNH KIÊN GIANG Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 88/2024/HNGĐ-ST

Ngày 14 - 8- 2024

V/v: Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Chon

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Ngọc Trân

Bà Nguyễn Hồng Xứng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm Tiên - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang: Ông Trương Văn Chi
- Kiểm sát viên trung cấp.

Ngày 14 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 105/2023/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 11 năm 2023 về việc ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 56/2024/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị Huỳnh A**, sinh năm 2000

Địa chỉ: **Ấp T, xã T, huyện G, tỉnh Kiên Giang**

- Bị đơn: Ông **LEE, NAN-YIN**, sinh năm 1980

Địa chỉ: **Số A Lô D, khóm B, phường Đ, khu V, thành phố Đ, Đài Loan.**

(Các đương sự đều vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Huỳnh A trình bày:

Năm 2019, bà **Huỳnh A** quen ông **LEE, NAN-YIN** qua mai mối, sau khi tìm hiểu hai bên có tình cảm nên tiến đến hôn nhân, ông bà có làm đám cưới theo phong tục tập quán Việt Nam, có đăng ký kết hôn tại **Ủy ban nhân dân huyện G**, tỉnh Kiên Giang, được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 227 ngày 11/12/2019.

Sau khi kết hôn, ông bà chung sống tại Việt Nam được 01 tuần, sau đó ông **L**, **NAN-YIN** về Đài Loan đi làm và làm thủ tục bảo lãnh bà **Huỳnh A** sang Đài Loan đoàn tụ, bà **Huỳnh A** ở lại Việt Nam. Sau khi ông **LEE, NAN-YIN** về Đài Loan thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống,

bất đồng ngôn ngữ, cách xa về địa lý, mỗi người ở một nơi nên không còn sự quan tâm, tình cảm vợ chồng dần phai nhạt.

Nhận thấy, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà khởi kiện ly hôn. Nay bà **Huỳnh A** yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

- Về hôn nhân: Cho bà được ly hôn với ông **L**, NAN-YIN.
- Về con chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.
- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn ông L, NAN-YIN: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện thủ tục ủy thác tư pháp cho ông LEE, NAN-YIN về yêu cầu ly hôn của bà **Nguyễn Thị Huỳnh A**. Ông LEE, NAN-YIN đã nhận được hồ sơ ủy thác của Tòa án trong đó ấn định thời gian để ông **L**, NAN-YIN thực hiện quyền trình bày ý kiến bằng văn bản gửi cho Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang, cũng như thông báo thời gian mở phiên tòa xét xử vụ án cho ông LEE, NAN-YIN được biết, nhưng đến thời điểm xét xử sơ thẩm, ông **L**, NAN-YIN vẫn vắng mặt và Tòa án cũng không nhận được ý kiến của ông **L**, NAN-YIN.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang phát biểu quan điểm: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và đương sự đã chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn bà **Nguyễn Thị Huỳnh A**.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét, thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, ý kiến của đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn bà **Nguyễn Thị Huỳnh A** có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt; ông LEE, NAN-YIN vắng mặt tại phiên tòa theo thủ tục ủy thác tư pháp. Căn cứ theo quy định tại các Điều 227, 228, 238 và 477 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử thống nhất tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về yêu cầu ly hôn của nguyên đơn bà **Nguyễn Thị Huỳnh A**:

Qua các tài liệu, chứng cứ thể hiện bà **Nguyễn Thị Huỳnh A** và ông **L**, NAN-YIN quen biết nhau qua mai mối, hai bên có tình cảm yêu thương nhau và tự nguyện kết hôn, có thực hiện thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định và được **Ủy ban nhân dân huyện G**, tỉnh Kiên Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn số 227

ngày 11/12/2019. Do đó, Hội đồng xét xử nhận định hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Huỳnh A và ông L, NAN-YIN là hợp pháp.

Bà Huỳnh A xác định, sau khi kết hôn ông bà chung sống với nhau được một tuần thì ông LEE, NAN-YIN trở về Đài Loan làm việc và làm thủ tục bảo lãnh bà Huỳnh A sang Đài Loan đoàn tụ. Sau khi ông LEE, NAN-YIN về Đài Loan thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, bất đồng ngôn ngữ, cách xa về địa lý, mỗi người ở một nơi nên không còn sự quan tâm, tình cảm vợ chồng dần phai nhạt. Bà Huỳnh A xác định không còn tình cảm và không thể hàn gắn quan hệ vợ chồng với ông L, NAN-YIN.

Quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện thủ tục ủy thác tư pháp cho ông LEE, NAN-YIN nhưng đến thời điểm xét xử sơ thẩm ông LEE, NAN-YIN vẫn vắng mặt và không có văn bản trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của bà L1 để Tòa án xem xét.

Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Huỳnh A và ông L, NAN-YIN đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống vợ chồng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang, chấp nhận đề nghị của luật sư, chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Huỳnh A.

[3] Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Bà Huỳnh A xác định không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Bà Huỳnh A phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã tạm nộp.

[5] Về chi phí thực hiện ủy thác tư pháp: Bà Huỳnh A phải chịu chi phí ủy thác tư pháp 200.000 đồng, bà L1 đã nộp xong.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 37, Điều 153, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 477 và Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Huỳnh A.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Huỳnh A được ly hôn với ông L, NAN-YIN.

2. Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Huỳnh A phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đồng, khấu trừ số tiền 300.000 đồng đã tạm nộp, theo biên lai thu tiền số 0003894 ngày 01/11/2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Kiên Giang.

4. Về chi phí thực hiện ủy thác tư pháp: Bà Nguyễn Thị Huỳnh A phải chịu lệ phí ủy thác tư pháp là 200.000 đồng, đã nộp xong theo biên lai thu số 0016783 ngày 15/11/2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Kiên Giang.

5. Quyền kháng cáo: Bà Nguyễn Thị Huỳnh A có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật. Ông L, NAN-YIN có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- Cục THA dân sự tỉnh Kiên Giang;
- UBND tỉnh Kiên Giang.
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Chơn